

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-PT.

Ngày: 27/7/2022

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLPT- DS ngày 17/5/2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 28/3/2022 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 6/7/2022:

Nguyên đơn: Bà Vương Thị Th, sinh năm 1965, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Ông Nguyễn Quang T – Công ty Luật TNHH MTV Phúc Q - Đoàn Luật sư TP Hà Nội, có mặt.

Địa chỉ: Số 26 - V, phường Kh, quận Th, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Ngô Văn Tr, sinh năm 1975, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1- Ông Vương Văn Q, sinh năm 1964, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2- Bà Trương Thị L, sinh năm 1976, có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3- Chị Ngô Thị Ch, sinh năm 1977, có mặt;

4- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, có mặt;

Đều có nơi cư trú: Thôn Xuân Giang, xã Mai Trung, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Vương Thị Th trình bày: Năm 2017, vợ chồng ông Ngô Văn Tr cùng vợ là bà Trương Thị L có đến gặp vợ chồng bà để hỏi vay tiền. Do vợ chồng bà có một khoản tiền tiết kiệm để chuẩn bị làm nhà mà chưa sử dụng đến nên vợ chồng bà đã cho vợ chồng ông Tr, bà L vay tổng số tiền là 220.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận với lãi suất là 1,5%/tháng, cụ thể các lần vay tiền như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 05/8/2017, vay 35.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Ngày 09/10/2017, vay 75.000.000 đồng;

Lần thứ ba: Ngày 16/10/2017, vay 20.000.000 đồng;

Lần thứ tư: Ngày 17/6/2018, vay 90.000.000 đồng.

Những lần vay tiền nêu trên, vợ chồng ông Tr, bà L đều viết và ký Giấy nhận nợ với bà. Đầu năm 2019, bà đã thông báo cho vợ chồng ông Tr, bà L phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ, để vợ chồng bà xây nhà.

Ngày 17/01/2019, ông Tr, bà L mới trả cho vợ chồng bà số tiền là 120.000.000 đồng. Ông Tr đã viết Giấy nhận nợ với bà có nội dung: “Ngày 17/01/2019, Tổng cháu Trang nợ 220.000.000 đồng trừ số tiền cháu Trang đã trả 120.000.000 đồng, cháu Trang còn nợ 100.000.000 đồng”. Tháng 5/20019, bà tiếp tục đến gặp ông Tr, bà L yêu cầu ông Tr, bà L thanh toán nốt số tiền còn nợ lại là 100.000.000 đồng tiền gốc. Nhưng, ông Tr, bà L mới chỉ trả cho bà được 5.000.000 đồng tiền lãi của số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Bà đã viết vào Giấy biên nhận nợ là: “1+2+3 +4 (2019) đã trả lãi 4 tháng bằng 5.000.000 đồng”.

Ông Tr, bà L còn khát nợ với bà là để đến cuối năm 2019 thì sẽ trả nốt tiền cho bà. Sau đó bà đã nhiều lần gặp ông Tr, bà L để đòi tiền, nhưng vợ chồng ông Tr, bà L vẫn không trả tiền cho bà. Nay, bà yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà L phải trả cho bà số tiền gốc là 100 triệu đồng và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất là 1,5% tính từ ngày 17/5/2019 đến khi trả xong tiền.

Bị đơn ông Ngô Văn Tr trình bày: Năm 2017, ông có vay của bà Th với số tiền là 130.000.000 đồng với lãi suất là 1,5%/tháng. Đến năm 2019, bà Th làm nhà ông đã trả hết cho bà Th cả tiền gốc và tiền lãi. Còn số tiền 100.000.000 đồng này là bà Th cho bà Ngô Thị Ch là em gái của ông vay. Hàng tháng, bà Ch có trả cho bà Th tiền lãi hay không thì ông không biết. Nhưng sau đó, bà Th đề nghị với ông là ông nhận nợ với bà Th thay cho bà Ch để làm bằng chứng, ông đã nghe theo lời của bà Th đã ghi và ký vào Giấy nhận nợ với bà Th số tiền 100.000.000 đồng. Tháng 7/2021, bà Th đã gặp ông và bảo ông là em gái của ông (tức bà Ch) làm lò gạch bị phá sản, không có khả năng trả nợ. Bà Th đã bắt ông phải trả nợ cho bà Th thay cho bà Ch nhưng ông không đồng ý. Nay, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th vì ông không vay tiền của bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị Ch trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H và là em gái của ông Ngô Văn Tr. Vợ chồng bà trước đây làm nghề sản xuất gạch nung trên địa bàn thôn X, xã M, huyện H. Vì vợ chồng bà làm nghề cần phải đầu tư vốn lớn nên bà có vay của vợ chồng ông Quy, bà Th (là người nhà bên ngoài của bà). Thời điểm vay tiền của bà Th, bà không nhớ rõ nhưng bà có viết Giấy biên nhận vay tiền với bà Th. Giấy biên nhận vay tiền có ghi đầy đủ ngày tháng năm vay tiền và số tiền vay là 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Sau khi vay tiền của bà Th được một thời gian thì Nhà nước đã cấm không cho vợ chồng bà sản xuất gạch nung nữa. Vợ chồng bà đã phải bán hết nhà, đất để trả nợ cho Ngân hàng. Thấy vậy, bà Th nhờ chị dâu của bà là bà Trương Thị L đưa bà Th đến nhà của bà để đòi tiền, nhưng vợ chồng bà không có tiền để trả cho bà Th nên phải khát nợ với bà Th. Thời gian sau, bà không thấy bà Th đòi tiền của bà nữa. Sau đó bà đã biết về việc bà Th đã bắt ông Tr là anh trai của bà nhận nợ với bà Th thay cho vợ chồng bà. Thấy vậy, bà L là chị dâu của bà có nói là để chờ khoảng hai đến ba năm sau, nếu vợ chồng bà không làm ăn được thì vợ chồng bà L, ông Tr sẽ trả tiền hộ. Sự việc giữa vợ chồng ông Tr với bà Th như thế nào thì bà không được biết. Nay, bà Th khởi kiện đòi tiền ông Tr thì bà xin trả tiền cho bà Th nhưng bà xin được trả dần tiền vì vì gia đình bà hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế.

Ông Vương Văn Q trình bày: Ông là chồng bà Th, ông đồng ý với lời trình bày của bà Th.

Bà Trương Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Tr. Vợ chồng bà có vay tiền của vợ chồng bà Th nhưng đã trả hết tiền vay từ năm 2019. Bà Th xuất trình Giấy biên nhận vay tiền của ông Tr và khởi kiện đòi tiền ông Tr nhưng số tiền này là do bà Th cho bà Ch (là em gái của ông Tr) vay từ trước đó. Tại thời điểm bà Th cho vợ chồng bà Ch vay tiền thì bà không được biết. Sau đó bà Th đã đến gặp vợ chồng bà, bà Th đã yêu cầu vợ chồng bà ký nhận nợ thay vợ chồng bà Ch. Vợ chồng bà cũng đồng ý với đề nghị của bà Th và ông Tr đã ký nhận nợ với bà Th. Bà cũng nói với bà Th là khoảng 2 – 3 năm nữa thì vợ chồng bà sẽ trả nợ cho bà Th thay cho vợ chồng bà Ch. Nếu ông Tr không trả được tiền cho bà Th thì bà sẽ trả tiền cho bà Th thay cho vợ chồng bà Ch. Nay, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Ông Nguyễn Văn H, (chồng bà Ch) đã được Tòa án đã giao các văn bản tố tụng nhưng ông H không có bản tự khai và không đến Tòa án làm việc.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 352; Điều 357; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Th

1. Buộc ông Ngô Văn Tr, bà Trương Thị L phải trả cho bà Vương Thị Th, ông Vương Văn Quy số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 51.000.000 đồng.

2. Về án phí DSST: Ông Ngô Văn Tr, bà Trương Thị L phải chịu 7.550.000 đồng (bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vương Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Vương Thị Th 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007652 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2022 và ngày 29/4/2022, ông Tr và ông H nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Vương Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Ngô Văn Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Ông Ngô Văn Tr đã trình bày: Ông không vay tiền của bà Th, việc ông ký nhận nợ với bà Th là do bà Th yêu cầu ông ký để bảo lãnh cho số tiền mà vợ chồng ông H, bà Ch đã vay của bà Th trước đó. Khi ký nhận nợ với bà Th thì ông cũng không thông tin cho vợ chồng ông H biết, ông cũng không yêu cầu bà Th trả lại cho vợ chồng ông H Giấy vay tiền mà vợ chồng ông H đã ký nhận nợ với bà Th. Thực tế thì ông không vay tiền của bà Th.

+ Ông Nguyễn Văn H đã trình bày: Ông là chồng của bà Ch, bà Ch là em gái của ông Tr. Vợ chồng ông có vay tiền của bà Th và ký nhận nợ với bà Th, sau đó bà Th đã yêu cầu ông Tr ký nhận nợ thay cho vợ chồng ông. Vợ chồng ông có đưa cho bà L (vợ ông Tr) 5.000.000 đồng để nhờ bà L trả tiền lãi cho bà Th. Do trước đó vợ chồng ông có vay tiền của bà Th và phải trả tiền lãi cho bà Th theo mức 1,5%/1 tháng. Nay, vợ chồng ông đồng ý trả tiền cho bà Th theo Giấy biên nhận mà ông Tr đã ký với bà Th, nhưng hiện nay vợ chồng ông chưa có tiền để trả ngay cho bà Th, ông đề nghị được trả dần tiền cho bà Th. Ông cũng đề nghị bà Th phải trả Giấy biên nhận mà vợ chồng ông đã ký nhận nợ với bà Th trước đó.

+ Bà Trương Thị L đã trình bày: Bà là vợ ông Tr, vợ chồng ông H có đưa cho bà 5.000.000 đồng để nhờ bà trả tiền lãi cho bà Th. Do trước đó vợ chồng ông H có vay tiền của bà Th và phải trả tiền lãi cho bà Th theo mức 1,5%/1 tháng. Bà đồng ý với ý kiến của ông Tr và bà không đồng ý trả tiền cho bà Th.

+ Bà Ngô Thị Ch đã trình bày: Bà là vợ ông H và là em gái của ông Tr. Vợ chồng bà có vay tiền của bà Th để sản xuất gạch nung. Nay, vợ chồng bà cũng đồng ý trả tiền cho bà Th theo Giấy biên nhận mà ông Tr đã ký với bà Th, nhưng hiện nay vợ chồng ông chưa có tiền để trả ngay cho bà Th, bà đề nghị được trả dần tiền cho bà Th. Bà cũng đề nghị bà Th phải trả Giấy biên nhận mà vợ chồng bà đã ký nhận nợ với bà Th.

+ Bà Vương Thị Th và Luật sư Nguyễn Quang Tâm là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th đã trình bày: Theo Giấy nhận nợ do bà Th đã xuất trình thì ông Tr là người viết Giấy biên nhận và là người ký với tư cách là người vay tiền, nên ông Tr phải có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho bà Th. Bà Th

không cho vợ chồng bà Ch, ông H vay tiền nên bà Th không đồng ý để cho vợ chồng bà Ch, ông H trả nợ thay. Hiện nay bà Ch, ông H đang làm ăn thua lỗ nên cũng không có khả năng trả tiền cho bà Th thay cho ông Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tr và ông H.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của kháng cáo của ông Tr và ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Nguyên đơn bà Vương Thị Th trình bày: Vợ chồng bà Th đã nhiều lần cho vợ chồng ông Ngô Văn Tr, bà Trương Thị L vay tiền với tổng số tiền vay là 220.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận với lãi suất là 1,5%/tháng, cụ thể các lần vay tiền như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 05/8/2017, vay 35.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Ngày 09/10/2017, vay 75.000.000 đồng;

Lần thứ ba: Ngày 16/10/2017, vay 20.000.000 đồng;

Lần thứ tư: Ngày 17/6/2018, vay 90.000.000 đồng.

Những lần vay tiền nêu trên, vợ chồng ông Tr, bà L đều viết và ký Giấy nhận nợ với bà Th. Đầu năm 2019, bà Th đã thông báo cho vợ chồng ông Tr, bà L phải trả cho bà Th toàn bộ số tiền nợ, để vợ chồng bà Th xây nhà. Ngày 17/01/2019, ông Tr, bà L mới trả cho vợ chồng bà Th số tiền là 120.000.000 đồng. Ông Tr đã viết Giấy nhận nợ với bà Th có nội dung: “Ngày 17/01/2019, Tổng cháu Trang nợ 220.000.000 đồng trừ số tiền cháu Trang đã trả 120.000.000 đồng, cháu Trang còn nợ 100.000.000 đồng”. Tháng 5/20019, bà Th tiếp tục yêu cầu ông Tr, bà L thanh toán nốt số tiền gốc (còn nợ lại là 100.000.000 đồng) và tiền lãi. Nhưng, ông Tr, bà L mới chỉ trả cho bà Th được 5.000.000 đồng tiền lãi của số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Bà Th đã viết vào Giấy biên nhận nợ là: “1+2+3 +4 (2019) đã trả lãi 4 tháng bằng 5.000.000 đồng”. Ông Tr, bà L còn khất nợ với bà Th là để đến cuối năm 2019 thì sẽ trả nốt tiền cho bà Th. Sau đó bà Th đã nhiều lần gặp ông

Tr, bà L để đòi tiền, nhưng vợ chồng ông Tr, bà L vẫn không trả tiền cho bà Th. Nay, bà Th yêu cầu vợ chồng ông Ngô Văn Tr và bà Trương Thị L trả cho bà Th số tiền gốc là 100 triệu đồng và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất là 1,5% tính từ ngày 17/5/2019 đến khi trả xong tiền.

+ Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Th và buộc vợ chồng ông Tr, bà L phải trả cho bà Th 100.000.000 đồng tiền gốc và 51.000.000 đồng tiền lãi.

+ Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Tr và ông H nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử cụ thể là:

- Ông Tr không đồng ý trả tiền cho bà Th vì cho rằng: Ông Tr không vay tiền của bà Th, việc ông Tr ký nhận nợ với bà Th là do bà Th yêu cầu ông Tr ký để bảo lãnh cho số tiền mà vợ chồng bà Ngô Thị Ch, ông Nguyễn Văn H đã vay tiền của bà Th trước đó để làm gạch nung, (bà Ch là em gái của ông Tr).

- Ông H (chồng bà Ch) đồng ý trả cho bà Th 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền trên, nhưng ông H đề nghị được trả dần vì hiện nay gia đình ông có hoàn cảnh khó khăn.

+ Xét kháng cáo của ông Tr và ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy biên nhận nợ mà bà Th xuất trình có nội dung: Ngày 17/01/2019, ông Tr đã nợ của bà Th số tiền 100.000.000 đồng.

Ông Tr thừa nhận về việc ông Tr có viết và ký nhận nợ với bà Th số tiền 100.000.000 đồng, nhưng vợ chồng ông Tr cho rằng ông Tr không vay tiền của bà Th. Ông Tr đã ký nhận nợ với bà Th là do ông Tr bảo lãnh cho khoản vay của vợ chồng ông Chinh, bà Hưng với bà Th trước đó.

Mặc dù vợ chồng bà Ch, ông H đã thừa nhận lời trình bày của vợ chồng ông Tr là đúng, nhưng những lời trình bày của vợ chồng ông Tr lại không được bà Th thừa nhận. Ông Tr và ông H không có chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình.

Do vậy, phải xác định giữa ông Tr và bà Th đã giao kết Hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi theo quy định của Điều 463, khoản 2, Điều 469 Bộ luật dân sự.

Do bà Th đòi tiền ông Tr, nhưng ông Tr vẫn không trả tiền cho bà Th nên ông Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà Th.

Theo Điều 315 của Bộ luật dân sự đã quy định về chuyển giao nghĩa vụ dân sự như sau:

“1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”.

Mặc dù vợ chồng ông H, bà Ch đồng ý trả tiền cho bà Th nhưng bà Th (là bên có quyền) không đồng ý. Theo quy định của Điều 315 của Bộ luật dân sự như đã viện dẫn nêu trên thì việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ của ông Tr với bà Th cho vợ chồng ông H là không thể thực hiện được.

Do bà Th đã thừa nhận về việc ông Tr đã trả lãi cho bà Th đến hết ngày 16/5/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc buộc vợ chồng ông Tr, bà L phải trả cho bà Th số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên với mức lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 17/5/2019 đến ngày đến này xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2022) là 51.000.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, Điều 468, khoản 2, Điều 469 Bộ luật dân sự.

Kháng cáo của ông Tr và ông H về những nội dung trên là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp kháng cáo của ông Tr, ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

+Án phí DSPT: Ông Ngô Văn Tr, ông Nguyễn Văn H phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận ông Ngô Văn Tr đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0007990 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H:

Xác nhận ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0007988 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9

của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

